

Số: 3462 /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 22 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập
học kỳ 1, năm học 2020 - 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13, ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14, ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15/8/2007; Thông tư 31/2013/TT-BGDĐT, ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quy định về công tác học vụ dành cho sinh viên bậc đại học và cao đẳng hệ chính quy, ban hành kèm theo Quyết định số 2748/QĐ-ĐHCT, ngày 12/7/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 3120/QĐ-ĐHCT, ngày 10/08/2016 về định mức học bổng khuyến khích học tập dành cho sinh viên hệ chính quy áp dụng từ học kỳ 1, năm học 2016-2017; Quyết định số 3031/QĐ-ĐHCT, ngày 05/10/2020 về việc phân bổ quỹ học bổng khuyến khích học kỳ 1, năm học 2020-2021;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện học kỳ 2 năm học 2019-2020;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ 1, năm học 2020-2021 cho **135** sinh viên chính quy khóa 42 và liên thông khóa 44 đang theo học tại Trường Đại học Cần Thơ:

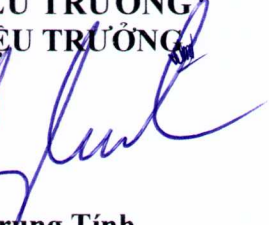
(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Mức học bổng khuyến khích được chi trả theo quy định hiện hành. Thời gian cấp học bổng là 05 tháng từ tháng 08 đến tháng 12 năm 2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác Sinh viên, Đào tạo, Tài chính, Trưởng khoa, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PCTSV, T.05.


KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Trung Tính

DANH SÁCH HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

Học Kỳ 1 - Năm Học 2020 - 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3462/QĐ-ĐHCT, ngày 22 tháng 10 năm 2020)

Stt	Mã SV	Họ và tên	Tín chỉ	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/tháng)	Ghi chú
1.Lớp: DI1695A1								
1	B1605227	Võ Hoàng Minh	18	83	3.39	Giỏi	800.000	
2	B1605239	Nguyễn Hữu Phúc	20	77	3.45	Khá	630.000	
3	B1605240	Trần Thanh Phụng	18	85	3.92	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							2.230.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.471.520								
2.Lớp: DI1695A2								
1	B1605264	Trần Hoàng Lệ Chi	16	85	3.4	Giỏi	800.000	
2	B1605278	Huỳnh Gia Hưng	18	77	3.33	Khá	630.000	
3	B1605282	Nguyễn Xuân Kiều	19	77	3.45	Khá	630.000	
4	B1605309	Trương Phước Thịnh	15	77	3.2	Khá	630.000	
Cộng lớp:							2.690.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.471.520								
3.Lớp: DI1696A1								
1	B1605336	Nguyễn Phan Ngọc Lễ	20	77	3.7	Khá	630.000	
2	B1605375	Trần Mạnh Tường	16	83	3.38	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							1.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.821.120								
4.Lớp: DI1696A2								
1	B1605397	Nguyễn Thành Lộc	16	65	3.5	Khá	630.000	
2	B1605406	Trịnh Thanh Nhân	19	65	3.45	Khá	630.000	
3	B1605420	Trương Hoàng Tây	16	77	3.69	Khá	630.000	
Cộng lớp:							1.890.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.211.360								
5.Lớp: DI16V7A1								
1	B1606812	Huỳnh Thị Thảo Lan	15	77	3.5	Khá	630.000	
2	B1606827	Nguyễn Thị Huyền Nhi	15	85	3.4	Giỏi	800.000	
3	B1606837	Lê Trung Sơn	18	77	3.5	Khá	630.000	
4	B1606850	Phan Lê Anh Thư	15	77	3.5	Khá	630.000	
5	B1606859	Đỗ Thanh Tường	18	87	3.58	Giỏi	800.000	
6	B1609954	Kim Trọng Nguyễn	20	67	3.63	Khá	630.000	
Cộng lớp:							4.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.317.040								
6.Lớp: DI16V7A2								
1	B1606891	Hồ Gia Huy	18	88	3.5	Giỏi	800.000	
2	B1606893	Phan Lâm Nhựt Huy	15	91	3.7	Xuất sắc	970.000	
3	B1606909	Tào Văn Luân	18	86	3.42	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							2.570.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.666.640								
7.Lớp: DI16V7A3								
1	B1606987	Huỳnh Chí Khang	17	77	3.74	Khá	630.000	
2	B1606998	Nguyễn Phương Linh	15	95	3.7	Xuất sắc	970.000	
3	B1607026	Phan Văn Thành	15	67	4	Khá	630.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Tín chỉ	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/tháng)	Ghi chú
Cộng lớp:							2.230.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.796.720								
8.Lớp: DI16Y1A1								
1	B1606883	Đoàn Nam Em	18	77	3.25	Khá	630.000	
2	B1606967	Khưu Thị Thùy Dương	15	85	3.6	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							1.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.560.960								
9.Lớp: DI16Y9A1								
1	B1609505	Nguyễn Thị Kim Anh	17	77	3.29	Khá	630.000	
2	B1609518	Lê Thị Ngọc Hân	20	83	3.18	Khá	630.000	
3	B1609542	Trương Thị Phụng	16	75	3.16	Khá	630.000	
4	B1609555	Quách Phương Toàn	20	67	3.2	Khá	630.000	
Cộng lớp:							2.520.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.406.480								
10.Lớp: DI16Y9A2								
1	B1609567	Nguyễn Quốc Bảo	20	87	3.55	Giỏi	800.000	
2	B1609568	Hoàng Thị Tuyết Băng	17	85	3.47	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							1.600.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.756.080								
11.Lớp: DI16Z6A1								
1	B1609759	Nguyễn Hải Anh	15	77	3.7	Khá	630.000	
2	B1609777	Nguyễn Nhật Khương	17	77	3.91	Khá	630.000	
3	B1611129	Nguyễn Đăng Khoa	17	67	3.59	Khá	630.000	
Cộng lớp:							1.890.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.756.080								
12.Lớp: DI16Z6A2								
1	B1609811	Đinh Thành Công	15	67	3.3	Khá	630.000	
2	B1609830	Lê Thanh Lương	15	85	3.1	Khá	630.000	
3	B1609831	Võ Văn Minh	20	77	3.78	Khá	630.000	
Cộng lớp:							1.890.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.691.040								
14.Lớp: HG1662A1								
1	B1602956	Trần Văn Công	16	80	3.03	Khá	630.000	
2	B1602959	Nguyễn Huy Cường	20	80	3.1	Khá	630.000	
3	B1602970	Nguyễn Hữu Đức	16	70	3.22	Khá	630.000	
4	B1603029	Phan Trường Thịnh	18	70	3.06	Khá	630.000	
5	B1603038	Võ Văn Trục	16	70	3.22	Khá	630.000	
Cộng lớp:							3.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.292.640								
15.Lớp: HG16V7A1								
1	B1607056	Nguyễn Văn Cồ	18	76	3.33	Khá	630.000	
2	B1607112	Đặng Minh Thành	15	72	3.5	Khá	630.000	
3	B1607116	Trịnh Phước Thiện	15	76	3.4	Khá	630.000	
4	B1607135	Phan Minh Truyền	15	80	3.6	Giỏi	800.000	
5	B1607142	Nguyễn Hoàng Ngọc Tú	18	72	3.92	Khá	630.000	
Cộng lớp:							3.320.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.186.960								
22.Lớp: NN1667A1								
1	B1603993	Lê Huỳnh Tấn Khanh	15	93	3.87	Xuất sắc	970.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Tín chỉ	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/tháng)	Ghi chú
2	B1604000	Thạch Thị Loan	16	91	3.84	Xuất sắc	970.000	
3	B1604012	Trần Tuấn Nhà	15	90	4	Xuất sắc	970.000	
4	B1604016	Phạm Nguyễn Thanh Nhi	16	93	3.69	Xuất sắc	970.000	
Cộng lớp:							3.880.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.577.200								
23.Lớp: NN1667A2								
1	B1604075	Võ Minh Đức	16	95	4	Xuất sắc	970.000	
Cộng lớp:							970.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.560.960								
24.Lớp: NN16Y4A1								
1	B1604097	Nguyễn Đăng Khoa	16	98	3.88	Xuất sắc	970.000	
Cộng lớp:							970.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.300.800								
25.Lớp: TN1661A1								
1	B1603622	Nguyễn Từ Duy Cận	18	82	3.56	Giỏi	800.000	
2	B1603630	Trịnh Minh Đô	18	77	3.22	Khá	630.000	
3	B1603654	Lê Mạnh Linh	17	82	3.26	Giỏi	800.000	
4	B1610256	Từ Văn Đón	18	75	3.08	Khá	630.000	
Cộng lớp:							2.860.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.121.920								
26.Lớp: TN1661A2								
1	B1603690	Dương Bùi Thái An	18	80	3.03	Khá	630.000	
2	B1603698	Lâm Chí Cường	17	80	3.06	Khá	630.000	
3	B1603709	Đỗ Văn Hào	18	78	2.83	Khá	630.000	
4	B1603753	Lê Trường Thuận	17	80	3.15	Khá	630.000	
5	B1603757	Võ Chí Trung	18	90	3	Khá	630.000	
Cộng lớp:							3.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.382.080								
27.Lớp: TN1662A1								
1	B1602758	Trần Văn Đệ	16	78	3.41	Khá	630.000	
2	B1602769	Lê Ngô Huy	20	80	3.5	Giỏi	800.000	
3	B1602804	Lê Minh Nhí	16	78	3.41	Khá	630.000	
Cộng lớp:							2.060.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.081.280								
28.Lớp: TN1662A2								
1	B1602778	Phạm Duy Khánh	20	74	3.15	Khá	630.000	
2	B1602792	Phù Tấn Lực	20	75	2.98	Khá	630.000	
Cộng lớp:							1.260.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.495.920								
29.Lớp: TN1662A3								
1	B1602860	Nguyễn Quốc Đăng	15	93	3.43	Giỏi	800.000	
2	B1602944	Danh Duy Vũ	16	85	3.47	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							1.600.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.495.920								
30.Lớp: TN1684A1								
1	B1603169	Bạch Văn Cho	20	80	3.23	Giỏi	800.000	
2	B1603263	Đoàn Ngọc Vũ	19	80	3.53	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							1.600.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Tín chỉ	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/tháng)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.626.000								
31.Lớp: TN1684A2								
1	B1603355	Võ Chí Tình	16	85	3.75	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							800.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 975.600								
32.Lớp: TN1684A3								
1	B1603419	Nguyễn Văn Lợi	20	80	3.75	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							800.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 975.600								
33.Lớp: TN1685A1								
1	B1603313	Phạm Thành Long	20	80	3.23	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							800.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 715.440								
34.Lớp: TN1693A1								
1	B1603195	Phạm Khánh Hưng	19	85	3.26	Giỏi	800.000	
2	B1603280	Biện Hữu Duyên	22	93	3.3	Giỏi	800.000	
3	B1603326	Nguyễn Tấn Phát	18	85	3.29	Giỏi	800.000	
4	B1603342	Ngô Minh Tân	15	93	3.23	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							3.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.121.920								
35.Lớp: TN16T1A1								
1	B1605446	Vương Ngọc Hải	16	91	2.97	Khá	630.000	
2	B1605454	Lê Văn Kiệm	15	90	3.8	Xuất sắc	970.000	
3	B1605456	Võ Lê Minh	16	75	3.13	Khá	630.000	
4	B1605457	Võ Trúc My	17	93	3.09	Khá	630.000	
5	B1610519	Mai Trung Tín	16	75	3.19	Khá	630.000	
Cộng lớp:							3.490.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.447.120								
36.Lớp: TN16U9A1								
1	B1606136	Mai Huỳnh Như	17	85	3.65	Giỏi	800.000	
2	B1606144	Nguyễn Thị Hồng Yến	15	85	3.67	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							1.600.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.300.800								
37.Lớp: TN16V6A1								
1	B1606642	Nguyễn Quang Khánh	15	78	3.57	Khá	630.000	
2	B1606643	Trương Minh Khoa	16	90	3.75	Xuất sắc	970.000	
3	B1606652	Lâm Hoàng Nam	18	80	3.83	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							2.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.406.480								
38.Lớp: TN16V6A2								
1	B1606703	Nguyễn Thị Thùy Dương	20	82	3.34	Giỏi	800.000	
2	B1606713	Dương Nguyễn Phương Huy	16	80	3.5	Giỏi	800.000	
3	B1606771	Nguyễn Ngọc Yến	17	93	3.44	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							2.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.276.400								
39.Lớp: TN16Y5A1								
1	B1609082	Nguyễn Phú An	16	80	3.22	Giỏi	800.000	
2	B1609090	Võ Ngọc Dương	16	83	3.03	Khá	630.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Tín chỉ	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/tháng)	Ghi chú
3	B1609102	Lê Huỳnh Hoàng Khang	16	77	3.31	Khá	630.000	
4	B1609114	Bùi Công Minh	15	93	3.53	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							2.860.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.666.640								
40.Lớp: TN16Y5A2								
1	B1609174	Nguyễn Thị Trúc Linh	15	78	3	Khá	630.000	
2	B1609185	Võ Minh Nhựt	20	83	3.08	Khá	630.000	
3	B1609193	Lê Quốc Thái	18	75	3.17	Khá	630.000	
4	B1609202	Ngô Nhật Tiến	15	83	3.1	Khá	630.000	
Cộng lớp:							2.520.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.211.360								
41.Lớp: TN16Y6A1								
1	B1609257	Nguyễn Thái Hùng Nhựt	15	82	3.37	Giỏi	800.000	
2	B1609282	Nguyễn Thanh Trí	19	90	3.47	Giỏi	800.000	
3	B1609286	Nguyễn Khánh Văn	15	82	3.4	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							2.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.796.720								
42.Lớp: TN16Y6A2								
1	B1609291	Trần Thiện Cẩm	16	82	3.53	Giỏi	800.000	
2	B1609329	Ngô Trần Trọng Nhân	18	80	3.61	Giỏi	800.000	
3	B1609348	Lê Minh Thiện	16	93	3.78	Xuất sắc	970.000	
Cộng lớp:							2.570.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.861.760								
43.Lớp: TN16Y8A1								
1	B1609384	Nguyễn Chí Hiếu	16	80	3.44	Giỏi	800.000	
2	B1609407	Lư Hoàng Phú	16	82	3.41	Giỏi	800.000	
3	B1609433	Phạm Quốc Vương	18	80	3.28	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							2.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.276.400								
44.Lớp: TN16Y8A2								
1	B1609460	Lê Anh Khang	15	82	3.53	Giỏi	800.000	
2	B1609468	Ngô Bảo Minh	15	85	3.37	Giỏi	800.000	
3	B1609489	Hồ Huy Thanh	17	85	3.32	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							2.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.081.280								
45.Lớp: TN16Z5A1								
1	B1609643	Đông Phi Khanh	16	92	3.41	Giỏi	800.000	
2	B1609663	Lê Tấn Phát	16	82	3.53	Giỏi	800.000	
3	B1609668	Trần Thiện Quang	19	80	3.13	Khá	630.000	
Cộng lớp:							2.230.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.471.520								
46.Lớp: TN16Z5A2								
1	B1609696	Nguyễn Thanh Duy	16	84	3.63	Giỏi	800.000	
2	B1609705	Nguyễn Minh Hiệp	16	85	3.4	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							1.600.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.886.160								
13.Lớp: FL18V1L1								
1	C1800029	Lưu Hoàng Luân	18	67	3.64	Khá	630.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Tín chỉ	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/tháng)	Ghi chú
2	C1800041	Phương Tiểu Bách Uy	15	67	3.6	Khá	630.000	
Cộng lớp:							1.260.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.430.880								
16.Lớp: KT1820L1								
1	C1800069	Cao Ngọc Huyền	20	75	2.83	Khá	630.000	
2	C1800082	Phạm Thị Ngọc Trân	18	73	2.86	Khá	630.000	
Cộng lớp:							1.260.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.300.800								
17.Lớp: KT1822L1								
1	C1800109	Phạm Thị Cẩm Giang	19	85	3.39	Giỏi	800.000	
2	C1800122	Nguyễn Thanh Thanh	20	77	3.05	Khá	630.000	
3	C1800131	Nguyễn Trương Thủy Trúc	20	77	3.05	Khá	630.000	
Cộng lớp:							2.060.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.691.040								
18.Lớp: LK1863L1								
1	C1800141	Lê Thị Kiều Diễm	18	87	3.25	Giỏi	800.000	
2	C1800149	Trần Hữu Lộc	18	83	2.89	Khá	630.000	
Cộng lớp:							1.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.300.800								
19.Lớp: LK1864L1								
1	C1800179	Nguyễn Thị Diễm My	15	76	3.17	Khá	630.000	
2	C1800185	Lương Quỳnh Như	18	85	3.22	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							1.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.691.040								
20.Lớp: LK1865L1								
1	C1800205	La Thúy Hà	17	80	3.44	Giỏi	800.000	
2	C1800237	Nguyễn Tấn Toàn	18	80	3.42	Giỏi	800.000	
3	C1800242	Bùi Hải Yến	17	80	3.68	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							2.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.081.280								
21.Lớp: MT18X7L1								
1	C1800260	Trần Thị Phương Anh	20	83	3.45	Giỏi	800.000	
2	C1800306	Lê Thu Thảo	19	85	3.45	Giỏi	800.000	
3	C1800309	Trần Phước Thịnh	19	91	3.47	Giỏi	800.000	
4	C1800317	Hà Thị Mỹ Tiên	18	83	3.36	Giỏi	800.000	
Cộng lớp:							3.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.512.160								

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

